

Bản án số: **85/2019/DS-ST**.

Ngày: 28/5/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Tám**.

+ Ông **Trần Trung Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiền** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: không tham gia.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 91/2019/TLST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85A/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn trình bày:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị có cho anh chồng là anh P và chị dâu là chị T vay tiền làm vốn nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 07/3/2018 cho vay 12.000.000đ; Ngày 07/4/2018 cho vay 10.000.000đ; Ngày 01/5/2018 cho vay 27.000.000đ; Ngày 10/7/2018 cho vay 50.000.000đ; Ngày 06/8/2018 cho vay 37.000.000đ; Ngày 06/8/2018 cho vay 37.500.000đ và ngày 08/9/2018 cho vay 9.000.000đ. Tổng cộng 182.500.000đ. Khi vay vợ chồng anh P và chị T có viết biên nhận nợ và thoả thuận lãi suất 3%/tháng. Thời hạn vay là khoảng 1 tháng. Khi nào cần vốn đòi lại thì anh P và chị T trả lại. Sau khi vay phía anh P chị T có trả được 15.000.000đ lãi và 10.000.000đ vốn thì

ngưng. Sau đó chị H có đòi nhiều lần nhưng anh P và chị T không trả được cho đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P và chị T trả cho chị 172.500.000đ vốn. Không yêu cầu tính lãi. Và yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Bị đơn trình bày:

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh chị. Nhưng tại phiên họp giải ngày 24/4/2019 anh Nguyễn Văn P trình bày là có vay tiền của chị H 5 lần tổng cộng là 95.500.000đ khi vay có viết biên nhận. Sau đó có trả được 47.500.000đ nhưng khi trả không có viết biên nhận. Nay anh xin trả dần vốn mỗi tháng 3.000.000đ. Còn chị T không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay với chị T và anh P có địa chỉ tại xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nhận thấy anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị T dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của chị H và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh chị. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P và chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

*** Về số tiền vay:**

- Chị H khởi kiện yêu cầu chị T và anh P trả 172.500.000đ tiền vay. Chị H trình bày là cho vợ chồng anh P và chị T vay 7 lần tổng cộng là 182.500.000đ vốn. Khi vay có viết biên nhận nợ và sau đó phía bị đơn có trả được 10.000.000đ. Còn lại 172.500.000đ thì ngưng cho đến nay. Nay chị yêu cầu trả 172.500.000đ chứng minh bằng 7 biên nhận nợ có chữ ký của anh P và chị T. Còn bị đơn chị T mặc dù được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về việc khởi kiện yêu cầu của chị H đòi chị T trả 172.500.000đ tiền nợ vay nhưng chị T không có ý kiến gì về việc vắng mặt của chị cũng như yêu cầu khởi kiện của chị H, xem như chị T đã từ bỏ quyền lợi của mình. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt, nhưng tại phiên họp giải ngày 24/4/2019 anh P thừa nhận là có vay của chị H 5 lần với tổng số tiền là 95.500.000đ, khi vay có viết biên nhận và có trả được 47.500.000đ nhưng khi trả không có viết biên nhận. Hiện nay anh xác định còn nợ chị H là

48.000.000đ vốn. Nhận thấy đối với các biên nhận với số tiền 37.500.000đ; 9.000.000đ và 12.000.000đ; 27.000.000đ. Tổng cộng là 85.500.000đ là do chị T ký tên vay tiền của chị H, nhưng chị T không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị H. Mặt khác anh P khai là đã được cho chị H 47.500.000đ, nhưng khi trả không có viết biên nhận. Còn chị H chỉ thừa nhận là anh P có trả được 10.000.000đ vốn. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định là anh P và chị T có vay của chị H 7 lần với tổng số tiền là 182.500.000đ. Sau đó có trả được 10.000.000đ. Đến nay còn nợ lại 172.500.000đ là có cơ sở và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*** Về lãi suất:**

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị H khai là khi vay hai bên có thoả thuận lãi suất là 3%/tháng. Sau khi vay phía bị đơn có trả cho chị được 15.000.000đ tiền lãi thì ngưng. Nay chị không yêu cầu tiếp tục tính lãi nữa. Còn bị đơn anh P và chị T không có ý kiến gì về số tiền lãi. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét là đúng qui định pháp luật.

*** Xét yêu cầu trả trả một lần của chị H :**

Nhận thấy khi vay hai bên có thoả thuận trả lãi hàng tháng, còn vốn khi nào cần chị H đòi thì phía bị đơn trả lại vốn. Nhưng sau khi vay chị T và anh P trả lãi được 15.000.000đ thì ngưng. Sau đó chị H đòi lại vốn nhiều lần nhưng phía bị đơn không trả được, cho thấy anh P và chị T là người vi phạm nghĩa vụ thoả thuận lúc ban đầu. Nay anh P xin trả dần vốn mỗi tháng 3.000.000đ không được chị H chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị H. Buộc phía bị đơn chị T và anh P trả số tiền vốn trên cho chị H một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng qui định pháp luật.

*** Xét yêu cầu buộc anh P và chị T liên đới trả cho chị H .**

Nhận thấy anh P và chị T là vợ chồng, khi vay hai người cùng ký biên nhận nợ, vay tiền nhằm phát triển kinh tế gia đình. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh P và chị T liên đới trả nợ cho chị H là đúng qui định tại Điều 288 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H nên bị đơn chị T và anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân

- Căn cứ vào Điều 288, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

- Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị T liên đới trả cho chị H 172.500.000đ (Một trăm, bảy mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn) tiền vốn vay.

Thời gian trả: Trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T và anh P chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh P và chị T phải chịu 8.625.000 đồng (Tám triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm. Do chị H có sổ hộ nghèo có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí có xác nhận của chính quyền địa phương, nên được miễn tiền tạm ứng án phí. Do đó không hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị H.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh P và chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM THANH DŨNG